

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ – ST

Ngày 28/4/2023.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Bà H'Năm Bkrông.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:***  
Bà Bùi Thị Thu Hương –Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 557/2022/TLST-DS ngày 27/12/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 07/4/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 18/4/2023 giữa các đương sự :

***1. Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị Thu B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

***2. Bị đơn:*** Anh Phan Đình T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phan Đình T có tình cảm, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/6/2015. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Bên cạnh đó anh T còn thường xuyên nợ nần nên tôi phải trả nợ thay. Việc này hai vợ chồng cũng đã giải quyết với nhau nhiều lần, anh T cũng đã cam kết từ bỏ thói hư tật xấu nhưng vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi, do muốn tạo cơ hội cho

anh T tôi cũng đã rút đơn ly hôn một lần, nhưng nay mâu thuẫn dẫn đến ảnh hưởng tâm lý, tình cảm vợ chồng phật nhật, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Đình T.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 đứa con chung là cháu Phan Đình Trí N, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Phan Thị Lam P, sinh ngày 02/8/2021. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, anh Phan Đình T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phạm Thị Thu B có tình cảm, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/6/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh được 02 con chung, thời gian gần đây do có những khó khăn về kinh tế, tôi đã làm cho vợ buồn lòng nên vợ tôi xin ly hôn. Thật sự tôi còn nhiều tình cảm với vợ, những chuyện xảy ra trong cuộc sống là do sai lầm của bản thân, tôi cũng đã cố gắng thay đổi để chứng minh thiện chí của mình với vợ con. Tôi mong muốn được đoàn tụ gia đình, cùng vợ tôi nuôi dưỡng các con nên không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 đứa con chung là cháu Phan Đình Trí N, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Phan Thị Lam P, sinh ngày 02/8/2021. Tôi mong muốn đoàn tụ cùng vợ để cùng nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị Thu B và anh Phan Đình T mâu thuẫn trầm trọng, chị Phạm Thị Thu B đã từng nộp đơn xin ly hôn với anh Phan Đình T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu B.

+ Về con chung: Có 02 đứa con chung là cháu Phan Đình Trí N, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Phan Thị Lam P, sinh ngày 02/8/2021, quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Thu B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, nguyện vọng của chị Thu B là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Đình Trí N và cháu Phan Thị Lam P cho chị Phạm Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu B được ly hôn với anh Phan Đình T.

Về con chung: Có 02 đứa con chung là cháu Phan Đình Trí N, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Phan Thị Lam P, sinh ngày 02/8/2021.

Giao cháu Phan Đình Trí N và cháu Phan Thị Lam P cho chị Phạm Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Phan Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu B và anh Phan Đình T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/6/2015, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Thu B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Phan Đình T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Thu B.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Thu B và anh Phan Đình T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị Thu B xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy trước đây chị Thu B cũng đã làm đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn để cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình, như vậy đã thấy được quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu B và anh Phan Đình T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu B, cho chị Phạm Thị Thu B được ly hôn với anh Phan Đình T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung là cháu Phan Đình Trí N, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Phan Thị Lam P, sinh ngày 02/8/2021. Xét thấy hiện nay các cháu còn nhỏ, cần mẹ trực tiếp chăm sóc, công việc của chị Thu B làm tại nhà, có nhiều thời gian chăm sóc con, bên cạnh đó anh T vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định được nguyện vọng của anh về con chung, vì vậy việc giao cháu Phan Đình Trí N và cháu Phan Thị Lam P cho chị Phạm Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hợp lý và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Phan Đình T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.*

*Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu B được ly hôn với anh Phan Đình T.

-Về con chung: Có 02 đứa con chung là cháu Phan Đình Trí N, sinh ngày 18/6/2016 và cháu Phan Thị Lam P, sinh ngày 02/8/2021.

Giao cháu Phan Đình Trí N và cháu Phan Thị Lam P cho chị Phạm Thị Thu B nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phan Đình T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0016738 ngày 26/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- UBND xã V, Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

**H' Năm Bkrông**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**H'Năm Bkrông**











**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thành  
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**H' Năm Bkrông**